

NAM-NAM/BẮC-NAM

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CHÂU PHI - MỸ TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

*Th.S. Trần Thùy Phương**

Châu Phi là một lục địa rộng lớn gồm 54 quốc gia và tất cả đều là các quốc gia đang phát triển. Với diện tích hơn 30 triệu km², dân số khoảng 800 triệu người, đây là một lục địa rất giàu có về tài nguyên và khoáng sản.

Trong xu thế vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới, châu Phi đang ngày càng nỗ lực tăng cường và thúc đẩy hoạt động ngoại thương với các quốc gia và các châu lục khác nhằm mục đích phát triển nền kinh tế. Khu vực này đang có nhu cầu rất lớn về các chủng loại hàng hoá, nhất là máy móc và hàng tiêu dùng từ các quốc gia khác trên thế giới. Đặc biệt, bởi hầu hết đây là các quốc gia đang phát triển nên không quá khắt khe về mẫu mã và phẩm cấp. Ngược lại, châu Phi có khả năng cung cấp các sản phẩm ở dạng nguyên liệu thô như dầu lửa, quặng sắt, đá quý, bông... với giá cả rất hợp lý. Vì thế, đây là một thị trường tiềm năng mà rất nhiều quốc gia muốn hợp tác và đặt quan hệ làm ăn, trong đó có Mỹ. Bài viết đề cập đến quan hệ thương mại giữa châu Phi và Mỹ, song những nội dung và số liệu nghiên cứu trong bài chủ yếu tập trung ở châu Phi cận Sahara, bởi với số lượng 48 trong tổng số 54 quốc gia toàn châu lục, khu vực này chiếm phần lớn tổng diện tích và tổng dân số châu Phi, do đó có thể nói nó thực sự có vai trò quan trọng và vị trí chi phối đối với hầu hết hoạt động thương mại của lục địa Đen.

1. Hoạt động thương mại của châu Phi trong những năm gần đây

a. Kim ngạch xuất nhập khẩu của châu Phi

Năm 2003, tổng xuất khẩu hàng hoá của châu Phi là 111,3 tỷ USD, tăng 21,1%; trong khi đó mức tăng của năm 2002 chỉ đạt 3,8%. Nam Phi và Nigêria chiếm tới 53,5% trong tổng xuất khẩu toàn khu vực châu Phi. Xuất khẩu của Nam Phi năm 2003 tăng 19,8%, đạt 35,5 tỷ USD và của Nigêria tăng 31,2%, đạt 24,1 tỷ USD. Tăng trưởng xuất khẩu của châu Phi trong năm 2003 là 21,1%; vượt hơn so với mức tăng trưởng 16,4% toàn thế giới và mức tăng 19,7% của các nước đang phát triển.

Nhập khẩu hàng hoá ở châu Phi đạt mức tăng trưởng rõ nét trong năm 2003, tăng 29,5% đạt 112,4 tỷ USD; trong khi đó năm 2002 chỉ đạt mức tăng 5,1%. Riêng Nam Phi và Nigêria chiếm tới 43,7% tổng nhập khẩu toàn châu Phi. Trong năm 2003, nhập khẩu của Nam Phi tăng khoảng 27,6%, đạt 34,2 tỷ USD và nhập khẩu của Nigêria tăng với con số ấn tượng là 70,2%, đạt 14,9 tỷ USD. Tuy nhiên, năm 2003, thương mại của châu Phi mới chỉ chiếm khoảng 1,5% tổng thương mại toàn cầu, gần như không đổi so với năm 2002. Như vậy, châu Phi cần tăng tỷ trọng của mình trong tổng thương mại thế giới trước khi tiếp nhận những lợi ích từ tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu.

b. Tỷ trọng của châu Phi trong xuất nhập khẩu ở một số quốc gia tiêu biểu

* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Trong những năm gần đây, nhập khẩu của châu Phi chỉ chiếm khoảng 1% trong tổng xuất khẩu hàng hoá của Mỹ và xuất khẩu của khu vực này chiếm gần 2% trong tổng nhập khẩu của Mỹ, với khoảng hơn 70% là các sản phẩm dầu mỏ. Tỷ lệ trao đổi thương mại của châu Phi với Liên minh Châu Âu (EU) cũng tương tự.

Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của châu Phi, bởi Mỹ đã nhập 24,3% tổng lượng hàng hoá của khu vực này trong năm 2003. Anh chiếm vị trí thứ hai với 8,2%; Pháp đứng thứ ba với 6,1%. Năm 2003, toàn khu vực EU nhập khoảng 39,1% tổng hàng hoá của châu Phi, giảm so với 42,4% của năm 2002. Có thể thấy rằng, trong năm 2003, xuất khẩu của châu Phi sang thị trường các nước công nghiệp phát triển có xu hướng giảm so với năm 2002. Cụ thể, xuất khẩu hàng hoá của châu Phi sang Anh giảm từ 8,8% năm 2002 xuống 8,2% năm 2003; sang Pháp giảm từ 6,5% xuống 6,1% trong cùng thời kỳ; sang Nhật là từ 5,7% xuống 5,5%; sang Đức là

từ 6,5% xuống 5,4%; và cuối cùng là sang Ý từ 4,6% xuống 3,9% (bảng 1).

Xét về tình hình nhập khẩu, tỷ trọng nhập khẩu hàng hoá của châu Phi từ Mỹ giảm từ 6,9% trong năm 2002 xuống còn 6,1% năm 2003 bởi sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của thị trường toàn cầu. Đồng thời, tỷ trọng nhập khẩu hàng hoá của châu Phi từ các nước công nghiệp phát triển năm 2003 đều giảm so với năm 2002; chẳng hạn Pháp giảm từ 9,4% xuống 8,4%; Đức giảm từ 8,4% xuống 7,8%; Anh giảm từ 6,1% xuống 5,7% (bảng 1). Trong khi đó, các thị trường không phải truyền thống vẫn duy trì và thậm chí là gia tăng được tỷ lệ thị phần. Trung Quốc vẫn tiếp tục là nhà cung cấp lớn cho thị trường châu Phi với mức xuất khẩu lên đến 7,5 tỷ USD trong năm 2003; khiến thị phần tại khu vực này tăng từ 5,8% năm 2002 lên 6,7% năm 2003. Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc sang châu Phi là máy móc và thiết bị điện, sợi dệt, xe gắn động cơ và tất thảy cổ...

Bảng 1 : Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của châu Phi với một số nước công nghiệp phát triển

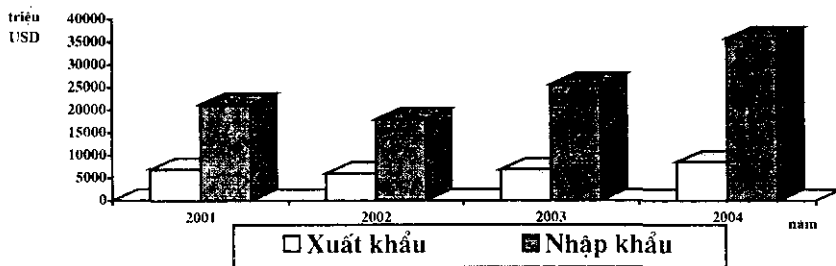
	2002	Tỷ trọng	2003	Tỷ trọng
	(tỷ USD)	(%)	tỷ USD)	(%)
Nhập khẩu của châu Phi				
Pháp	8,2	9,4	9,5	8,4
Đức	7,3	8,4	8,7	7,8
Mỹ	6,0	6,9	6,8	6,1
Anh	5,3	6,1	6,4	5,7
Nhật	3,6	4,2	4,0	3,6
Ý	3,1	3,5	3,5	3,1
Tổng	33,5	38,6	40,7	36,2
Xuất khẩu của châu Phi				
Mỹ	17,8	20,4	25,6	24,3
Anh	8,1	8,8	9,1	8,2
Pháp	6,0	6,5	6,8	6,1
Nhật	5,2	5,7	6,1	5,5
Đức	6,0	6,5	6,0	5,4
Ý	4,3	4,6	4,4	3,9
Tổng	39,0	42,4	43,5	39,1

Nguồn: IMF - Direction of Trade Statistics Yearbook, 2004

2. Thương mại song phương Mỹ - Phi những năm gần đây

a. Tình hình chung

Về xuất khẩu, trong năm 2001, tổng kim ngạch xuất khẩu từ Mỹ sang châu Phi là 6.941,8 triệu USD, đến năm 2002 là 6.026,1 triệu USD; năm 2003 là 6.870,9 triệu USD; và đến năm 2004 là 8.565,7 triệu USD. Về nhập khẩu, năm 2001, Mỹ nhập từ khu vực này 21.286 triệu USD; năm 2002 là 17.891,4 triệu USD; năm 2003 là 25.633,3 triệu USD và đến năm 2004 đạt 35.874,9 triệu USD.



Hình 1: Thương mại Mỹ với châu Phi

(Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ, Cục Thống kê)

Tuy nhiên, năm 2004, thương mại song phương giữa Mỹ và châu Phi chủ yếu chỉ tập trung vào một nhóm nhỏ các quốc gia. Cụ thể, xuất khẩu của Mỹ sang Nam Phi tăng 13%, sang Nigêria tăng 53%, sang Angola tăng 21%, sang Etiopi tăng 12%, sang Kênia tăng khoảng 100% do sự gia tăng đột biến trong nhập khẩu máy bay của nước này. Đồng thời, Mỹ cũng tăng nhập khẩu từ các quốc gia xuất khẩu dầu mỏ; cụ thể là nhập từ Nigêria tăng 56%, từ Angola tăng 6%, từ Gabông tăng 25%, từ Ghinê tăng 30%, từ Côngô tăng 98%. Nhập khẩu từ Sát tăng với tỷ lệ lớn do kết quả của việc khai thác và đưa vào sử dụng đường ống dẫn dầu giữa Sát và Camerun năm 2002. Nhập khẩu từ Nam Phi tăng khoảng 29%, chủ yếu tập trung ở các loại hàng hoá như quặng sắt, bạch kim, kim cương, phương tiện giao thông...

Do hầu hết các quốc gia ở châu Phi đều có thu nhập thấp và đang ở trong tình trạng kinh tế kém phát triển, nên châu

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá giữa Mỹ và châu Phi đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2004, tăng gần 37% so với năm trước, đạt 44,4 tỷ USD. Xuất khẩu của Mỹ sang châu Phi tăng 25% - khoảng 8,6 tỷ USD, do đạt mức tăng cao trong bán máy bay, phương tiện giao thông, lúa mì, các thiết bị và phụ tùng ngành dầu mỏ, máy móc điện (gồm cả thiết bị viễn thông). Trong khi đó, nhập khẩu của Mỹ tăng 40% so với 2003, đạt 35,9 tỷ USD do tăng trưởng trong nhập khẩu dầu mỏ, kim cương, quặng sắt, bạch kim, hàng dệt may...

lục này được hưởng những ưu đãi khi thâm nhập thị trường Mỹ. Với mục đích cải thiện tình trạng kém phát triển ở châu Phi, Đạo luật Cơ hội và Sự phát triển Châu Phi (AGOA) năm 2000 của Mỹ đã cho phép hầu hết các hàng hoá từ châu Phi được miễn thuế khi thâm nhập thị trường Mỹ. Cụ thể, AGOA đã giảm, thậm chí miễn thuế và hạn ngạch cho khoảng 1.800 sản phẩm đến từ châu Phi. Phạm vi sản phẩm rất đa dạng, gồm hàng tiêu dùng, khoáng sản và nông sản; song nhìn chung hàng dệt may vẫn chiếm ưu thế. Với những ưu đãi của AGOA, nhiều quốc gia Châu Phi có cơ hội gia tăng lượng xuất khẩu vào thị trường Mỹ; trong năm đầu tiên thực hiện AGOA (2001), gần một nửa các nhà xuất khẩu châu Phi sang thị trường Mỹ được hưởng các ưu đãi từ AGOA và gần 1/2 số lượng nhập khẩu từ các quốc gia này hàng miễn thuế; trong đó, hàng dệt may Mỹ nhập khẩu từ châu Phi tăng hơn 20%. Năm 2003, Lêxôthô trở

thành nhà cung cấp hàng dệt may lớn nhất cho thị trường Mỹ, đạt 270 triệu USD, tăng 107,7% so với 130 triệu USD của năm 2001. Không chỉ quan tâm đến những lợi ích mà các quốc gia châu Phi được hưởng từ AGOA, người ta còn rất chú ý đến vai trò quan trọng và việc duy trì những ưu đãi mà Mỹ dành cho châu Phi. AGOA đã tạo điều kiện cho các nước châu Phi mở rộng hoạt động thương mại và đa dạng hoá hàng xuất khẩu.

Chi tiết về hoạt động nhập khẩu của Mỹ từ châu Phi theo AGOA như sau: năm 2004, nhập khẩu của Mỹ theo AGOA tăng 88%, đạt 26,6 tỷ USD. Sự gia tăng này có vai trò rất lớn từ Angola - quốc gia mới duy nhất nhận được ưu đãi từ AGOA vào đầu năm 2004 với tổng kim ngạch nhập khẩu từ nước này đạt 4,3 tỷ USD. Nếu không tính Angola, nhập khẩu theo chương trình AGOA của châu Phi tăng 58% trong năm 2004. Dầu mỏ tiếp tục chiếm tỷ phần lớn nhất trong nhập khẩu theo AGOA với tỷ trọng 87%. Nếu không kể dầu mỏ, tổng nhập theo AGOA năm 2004 đạt khoảng 3,5 tỷ USD, tăng 22%. Nhập khẩu hàng dệt may theo AGOA tăng 35%, đạt 1,6 tỷ USD; nhập khẩu các loại quặng và kim loại theo AGOA tăng 76%, đạt 728,1 triệu USD. Tuy nhiên, thiết bị vận tải nhập theo AGOA lại giảm 26%, chỉ đạt 539,2 triệu USD bởi Mỹ hạn chế nhập phương tiện vận tải từ Nam Phi. Năm quốc gia đứng đầu được hưởng ưu đãi từ AGOA trong năm 2004 gồm Nigêria, Angola, Gabông, Nam Phi và Sat. Nếu như Lêxôthô đứng thứ 4 trong số 5 nước được hưởng ưu đãi của AGOA trong năm 2003 thì sang đến năm 2004 này, nhập khẩu theo AGOA từ Angola (thành viên mới trong 5 nước đứng đầu được hưởng ưu đãi từ AGOA) và Sat (nhà sản xuất dầu mỏ mới ở châu Phi) đã vượt hơn nhiều so với mức nhập khẩu từ Lêxôthô. Ngoài ra, tính đến cuối năm 2004, một số quốc gia châu Phi có mức tăng trưởng khá

lớn trong giá trị hàng hoá nhập khẩu vào Mỹ theo AGOA gồm Madagaxca, Kênia, Camơrun, Xoa Dilen, Namibia và Côt Đivoa.

b. Những thị trường và mặt hàng xuất khẩu chính của Mỹ ở châu Phi

Trong năm 2004, Mỹ vẫn chỉ tập trung xuất khẩu vào một số ít các quốc gia ở châu Phi. Ba thị trường hàng đầu là Nam Phi, Nigêria và Angola - chiếm 62% tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ sang châu Phi; trong đó Nam Phi chiếm 37%, Nigêria chiếm 18,1% và Angola chiếm 6,9%. Ngoài ra, tỷ trọng xuất khẩu của Mỹ sang Êtiôpi chiếm 5,4%, Kênia là 4,6%; Gana là 3,6%, Ghinê Xích Đạo là 2,5% và các nước khác chiếm khoảng 21,9%. So với năm 2003, xuất khẩu của Mỹ sang Nigêria có xu hướng gia tăng, chủ yếu là do Mỹ tăng cường xuất khẩu các máy móc trong lĩnh vực khai thác dầu mỏ. Đó là lý do dẫn đến việc tỷ trọng của Nigêria trong tổng xuất khẩu của Mỹ tăng lên trong năm 2004; trong khi tỷ trọng xuất khẩu của Mỹ sang Nam Phi lại có chiều hướng giảm trong năm 2004. Doanh thu từ hoạt động bán máy bay của Mỹ sang Kenia đã làm tăng tỷ trọng của nước này trong tổng xuất khẩu của Mỹ sang châu Phi. Trong khi đó, tỷ trọng của Ghinê Xích Đạo trong tổng xuất khẩu của Mỹ lại giảm bởi hoạt động bán máy móc và phụ tùng phục vụ khai thác dầu mỏ của Mỹ sang nước này giảm nhiều trong năm 2004. Ba mặt hàng xuất khẩu dẫn đầu của Mỹ sang Châu Phi trong năm 2004 gồm: máy bay và phụ tùng máy bay (chiếm 12,2% trong tổng xuất khẩu); máy móc và thiết bị dầu khí (chiếm 11,2%); lúa và hạt có dầu (chiếm 9,3%). Ngoài ra, còn một số hạng mục xuất khẩu lớn khác bao gồm xe gắn động cơ, máy xây dựng, các sản phẩm từ lúa và hạt có dầu, hoá chất công nghiệp, thiết bị liên lạc, phương tiện hàng hải, đo lường, y tế và thiết bị điều khiển, máy vi tính và các thiết bị ngoại vi.

Bảng 2. Giá trị các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Mỹ sang châu Phi năm 2004

Stt	Mặt hàng	Giá trị (triệu USD)
1.	Máy bay và phụ tùng máy bay	1.040,8
2.	Máy móc và thiết bị khai thác dầu khí	963,1
3.	Hạt có dầu và lúa	799,4
4.	Xe gắn động cơ	489,2
5.	Máy xây dựng	293,6
6.	Các sản phẩm từ lúa và hạt có dầu	287,4
7.	Hoá chất công nghiệp	275,7
8.	Phương tiện liên lạc	243,6
9.	Máy móc khác (máy bơm, máy nén ga và khí, máy công cụ cầm tay)	240,3
10.	Phương tiện hàng hải, đo lường, thiết bị y tế và thiết bị điều khiển	208,0
11.	Máy vi tính và thiết bị xử lý ngoại vi	198,0

Nguồn: US International Trade Commision DataWeb 2004

c. Những nhà cung cấp hàng đầu của châu Phi sang Mỹ

Tương tự như với đối tác xuất khẩu, Mỹ cũng tập trung nhập khẩu hàng hoá từ một số nhỏ các nhà cung cấp của châu Phi. Bốn quốc gia là Nigêria, Nam Phi, Angola và Gabông chiếm đến 81,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ từ châu Phi. Tỷ trọng của Nigêria trong tổng nhập khẩu của Mỹ từ châu Phi là 45,3%; Nam Phi - 16,6%; Angola - 12,6%; Gabông - 6,9%; Ghinê Xích Đạo - 3,3%; Côngô - 2,4%; Sát - 2,1% và các nước khác chiếm 10,9%. Ba quốc gia cung cấp dầu thô chủ yếu cho Mỹ là Nigêria, Angola và Gabông; và quốc gia cung cấp chủ yếu bạch kim, kim cương, quặng sắt và xe gắn động cơ cho thị trường Mỹ là Nam Phi. Sự tăng trưởng đột biến trong cung dầu thô từ Côngô và Sát đã làm tăng tỷ trọng của hai nước này trong tổng nhập khẩu của Mỹ từ châu Phi. Dầu mỏ (cả dầu thô và dầu tinh chế) vẫn là mặt hàng nhập khẩu chiếm ưu thế của Mỹ từ châu Phi, chiếm 72,8% kim ngạch nhập khẩu của Mỹ từ châu Phi. Hàng dệt may vẫn giữ vị trí thứ hai trong số những mặt hàng nhập khẩu của Mỹ, chiếm 4,9%

giá trị mua vào tương đương với 1,756 tỷ USD. Các mặt hàng còn lại là bạch kim chiếm 4,9% đạt 1,746 tỷ USD; kim cương chiếm 2,6% đạt 934 triệu USD; quặng sắt chiếm 1,5% đạt 536 triệu USD, bột cacao chiếm 1,4% đạt 491 triệu USD và phương tiện có động cơ chiếm 1,2% đạt 423 triệu USD.

3. Đánh giá quan hệ thương mại Mỹ - Phi và triển vọng phát triển

a. Lợi ích của Mỹ và châu Phi từ quan hệ thương mại song phương

Thứ nhất, thương mại giữa Mỹ và châu Phi đã duy trì được tốc độ phát triển tương đối khá. Trong năm 2001, thương mại song phương đạt 28,228 tỷ USD; năm 2002 đạt 23,918 tỷ USD; năm 2003 đạt 32,504 tỷ USD và đến 2004 đạt 44,441 tỷ USD. Như vậy, so với năm 2001 thì tổng kim ngạch thương mại song phương trong năm 2004 đã tăng 57,4%.

Thứ hai, Đạo luật Cơ hội và Sự phát triển châu Phi (AGOA) đã giúp cho các nước nghèo trong "lục địa Đen" có khả năng gia tăng nguồn thu ngoại tệ của mình nhờ xuất khẩu. Một năm sau khi có

hiệu lực kể từ tháng 5 năm 2000, AGOA đã thu được những kết quả khả quan: tổng xuất khẩu của châu Phi sang Mỹ tăng 17% so với năm 2000. Vào năm 2004, xuất khẩu của châu Phi theo AGOA vào thị trường Mỹ đạt 26,6 tỷ USD, tăng rất nhiều so với khoảng 1 tỷ USD của năm 2001. Những thống kê thương mại cho thấy, Mỹ đã nhập từ Nam Phi sản phẩm kem trái cây đông lạnh với nguyên liệu chính là trái cây tươi như dứa, táo, cam, chanh, dứa... ước tính khoảng 1,8 triệu USD năm 2004, so với 800.000 USD của năm 2003 là tăng 125%. Nhờ AGOA, các doanh nghiệp nhỏ ở Nam Phi cũng có cơ hội tiếp cận thị trường Mỹ để tăng doanh thu. Có thể nói, AGOA thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các quốc gia đang phát triển của châu Phi.

Thứ ba, AGOA đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động của các quốc gia trong lục địa. Những ưu đãi của AGOA đã thu hút rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài tìm đến lục địa này để thành lập các xí nghiệp sản xuất nhằm tận dụng những tiềm năng sẵn có của khu vực cũng như những ưu đãi miễn thuế khi thâm nhập thị trường Mỹ. Nhờ đó, đã tạo ra rất nhiều việc làm cho các quốc gia châu Phi. Điều này là rất quan trọng và có ý nghĩa đối với một châu lục đang nghèo đói và thất nghiệp như châu Phi. Cho đến nay, Kênia và Lêxôthô là hai quốc gia được hưởng lợi nhiều nhất từ AGOA trong vấn đề tạo việc làm. Trong năm 2004, Kênia đã tạo được 50.000 việc làm mới có liên quan đến AGOA và Lêxôthô đã tạo thêm được 10.000 việc làm.

Thứ tư, Mỹ được hưởng những lợi ích rất lớn trong hoạt động thương mại với châu Phi, đặc biệt là từ sản phẩm dầu mỏ. Những khu vực được phát hiện có nhiều tiềm năng dầu mỏ tập trung ở vịnh Ghinê như Nigiêria, Camêrun, Gabông, Angôla, Ghinê Xích Đạo và phía nam sa mạc Xahara. Ước tính những nước có trữ lượng

dầu mỏ dồi dào của châu Phi có thể thu tới khoảng 200 tỷ USD từ xuất khẩu dầu thô trong thập kỷ tới. Hiện Mỹ đã có một số tập đoàn dầu khí lớn như Exxon Mobile, Chevron... đầu tư những khoản tiền rất lớn cho hoạt động khai thác và sản xuất dầu ở khu vực này. Có thể nói rằng, dầu mỏ và những sản phẩm liên quan đến nhiên liệu đã chiếm phần lớn trong các mặt hàng nhập khẩu của Mỹ từ châu Phi. Nếu như trong năm 2002, dầu mỏ chiếm khoảng 75,9% khối lượng nhập khẩu của Mỹ trong khuôn khổ của AGOA thì đến năm 2004 con số này đã là 87%. Nigiêria là nước sản xuất dầu mỏ lớn nhất châu Phi và là địa điểm cung cấp dầu thô thứ 5 cho Mỹ. Chỉ tính riêng khu vực Tây Phi cũng có thể cung cấp đủ 25% nhu cầu dầu mỏ cho Mỹ từ nay đến năm 2015. Trong một tài liệu do *Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế* công bố năm 2004, các chuyên gia nhấn mạnh rằng Mỹ nên tăng cường chính sách quan hệ với châu Phi ở bảy điểm chính, trong đó điểm đầu tiên là chính sách năng lượng. Như vậy, thực sự dầu lửa ở châu Phi đã đóng một vai trò quan trọng và có sức hấp dẫn rất lớn trong chiến lược của Mỹ với khu vực này.

Thứ năm, thương mại song phương đang được hỗ trợ hiệu quả từ dòng vốn FDI của Mỹ vào châu Phi. Kể từ khi AGOA được thông qua, trong khuôn khổ của đạo luật này, Cơ quan Khuyến khích đầu tư tư nhân hải ngoại Mỹ (OPIC) được thành lập. Với văn phòng đại diện đặt tại Nam Phi, OPIC tạo điều kiện cho các dự án đầu tư vào châu Phi với mục tiêu cơ bản là cố vấn trong việc tìm cách tự do hoá luật thương mại, cải thiện bầu không khí đầu tư và khai thác ưu điểm của luật tự do trao đổi với Mỹ. Đến cuối năm 2003, FDI của Mỹ vào châu Phi là khoảng 11,5 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2002. Trong đó, dòng FDI chủ yếu tập trung vào các quốc gia như Nam Phi là 3,9 tỷ chiếm 34%; Nigiêria là 2,1 tỷ USD chiếm 18,1%; Ghinê Xích đạo là 1,9 tỷ

USD chiếm 17%; Angola là 1,5 tỷ USD chiếm 13,3%; Sắt là 1,1 tỷ USD chiếm 9,6%. Dòng FDI đổ vào các quốc gia này tương đương với khoảng 92% tổng FDI của Mỹ vào châu Phi.

b. Những hạn chế, tồn tại và triển vọng phát triển

Tồn tại thứ nhất trong quan hệ thương mại song phương giữa Mỹ và châu Phi là việc trợ cấp bông của Mỹ cho nông dân trong nước. Chính phủ các nước nghèo ở châu Phi cho rằng chính sách trợ cấp này đã gây tác động tiêu cực về giá bông trên thị trường thế giới, làm thiệt hại cho nông dân các nước đang phát triển. Do đó, nông dân châu Phi không thể cạnh tranh ngay cả khi bông của họ rẻ hơn nhiều. Từ năm 1999 đến 2001, kim ngạch xuất khẩu của sản phẩm bông châu Phi đã giảm gần 300 triệu USD do sự sụt giảm giá cả tại thị trường bông quốc tế. Theo báo cáo của UNCTAD, tỷ trọng bông xuất khẩu của châu Phi ra thị trường thế giới đã giảm từ 6,3% năm 1980 xuống còn 2% trong năm 2000. Là quốc gia xuất khẩu bông lớn trên thế giới, hiện mỗi năm Mỹ vẫn đang tiếp tục chi khoảng 3 tỷ USD để trợ cấp cho 26.000 nông dân trồng bông tại nước này. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là liệu Mỹ có chấp nhận đề nghị bãi bỏ trợ cấp bông theo đúng những quy định của WTO hay không. Theo Jeffrey Sachs - cố vấn kinh tế hàng đầu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Kofi Annan "những nông dân trồng bông ở Mỹ được trợ cấp cơ bản là vì lợi ích chính trị của họ chứ không phải vì ai đó chủ định làm hại những nông dân châu Phi". Vì thế, WTO hiện rất hy vọng có thể đạt được một thoả thuận nào đó cho vấn đề này trong Hội nghị thượng đỉnh của WTO diễn ra vào tháng 12 tới tại Hồng Kông. Nếu thực hiện được điều này, châu Phi có thể dựa vào sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để tận dụng tốt nhất các nguồn tài nguyên của mình nhằm giành một chỗ đứng vững chắc trong thị trường

thương mại Mỹ nói riêng và thị trường toàn cầu nói chung.

Một điểm đáng quan tâm nữa là liệu trong những năm tới Mỹ sẽ thắt chặt hay nới lỏng những quy định đối với hàng xuất khẩu của châu Phi, đặc biệt là hàng dệt may. Hiện nay, các nước xuất khẩu hàng dệt may châu Phi sang Mỹ đang vấp phải sự cạnh tranh gay gắt từ hàng dệt may giá rẻ của Trung Quốc. Thậm chí các chuyên gia kinh tế còn cho rằng năng suất quá lớn của ngành dệt may Trung Quốc đang bóp nghẹt thị phần hàng dệt may châu Phi tại Mỹ, bất chấp việc hàng dệt may Trung Quốc phải chịu mức thuế cao hơn. Kể từ khi AGOA được chính phủ Mỹ thông qua, hàng chục nước châu Phi đã được phép xuất khẩu tự do và miễn thuế hàng dệt may sang Mỹ. Như vậy, nếu theo dự kiến thì khi những điều khoản ưu đãi đối với hàng dệt may theo AGOA hết hạn vào năm 2008, một loạt các quốc gia châu Phi sẽ phải đối mặt với những thiệt hại nặng nề do không được hưởng ưu đãi thuế quan. Điều này là rất nghiêm trọng với Kênia, Môritani, Lêxôthô, Madagaxca, Xoa Dilen và Nam Phi - 6 quốc gia chiếm tới 95% kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào Mỹ. Hiện các nước châu Phi đang vận động Quốc hội Mỹ thông qua việc gia hạn đạo luật này đến năm 2015. Những ưu đãi đó có thể được duy trì đến 2015 hay không phụ thuộc rất nhiều vào thiện ý từ phía Mỹ, và phụ thuộc cả vào khả năng của "những nhà xuất khẩu AGOA" trong việc sử dụng những ưu đãi đó như một nền tảng thiết lập các nhân tố cạnh tranh. Thêm vào đó, việc chấm dứt Hiệp định Đa sợt (MFA) vào tháng 1 năm 2005 cũng đã gây ra một sự xáo trộn nghiêm trọng đến ngành dệt may của các nước châu Phi. Một số các quốc gia như Lêxôthô, Mali, Xoa Dilen, Nam Phi... đã phải chịu những tổn thất khá nặng nề sau khi MFA hết hiệu lực bởi sự rút đi của một số nhà đầu

tư châu Á. Các nước sản xuất nghèo ở châu Phi giờ đây không còn được bảo vệ trước sự cạnh tranh gay gắt mà những nhà sản xuất khổng lồ châu Á đã tạo ra trước đó. Như vậy, khi MFA chấm dứt, nếu các quốc gia châu Phi không thể thoả thuận với Mỹ trong việc gia hạn AGOA đến 2015 thì ngành công nghiệp dệt may non trẻ ở các nước này chắc hẳn sẽ đứng trước một tương lai mờ mịt. Tuy nhiên, nếu AGOA được gia hạn, ngành dệt may châu Phi sẽ thoát khỏi tình trạng khó khăn hiện nay để tận dụng tối đa nguồn nhân lực và tài nguyên giàu có của mình cùng với những lợi ích được hưởng để hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Bên cạnh đó, mặc dù hầu hết các nước châu Phi đã thiết lập được nền chính trị ổn định nhưng tại một số nước vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn, xung đột tiềm ẩn, có thể bùng phát bất cứ lúc nào. Đây thực sự là mối lo ngại cho các đối tác muốn làm ăn buôn bán với châu lục này. Hơn nữa, một loạt các vấn đề xã hội khác đang trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động thương mại như tệ tham nhũng, tình trạng suy thoái môi trường... và đặc biệt là đại dịch AIDS. Theo báo cáo "*Cập nhật về nạn dịch AIDS - tháng 12/2004*" của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), năm 2004 có tới 25,4 triệu người ở châu Phi đang phải sống chung với HIV; 3,1 triệu người đang ở giai đoạn sơ nhiễm và 2,3 triệu người đã chết vì AIDS. Xấp xỉ 64% trong số người nhiễm HIV trên thế giới và 76% trong tổng số phụ nữ nhiễm HIV sống ở châu Phi khu vực cận Sahara. Tuy nhiên, tổng thống đương nhiệm Mỹ George Bush đã khá quan tâm đến lĩnh vực này. Năm 2005, tổng thống Mỹ đã yêu cầu Quốc hội chi 2,8 tỷ USD cho cuộc chiến chống AIDS, lao và sốt rét; tăng 16% so với năm 2004 và tăng tới 78% so với năm 2003. Ông Bush cũng hứa từ nay đến 2008 sẽ chi mỗi năm khoảng 200 triệu USD cho Quỹ Thế giới phòng chống AIDS.

Tóm lại, trong quan hệ thương mại song phương, cả Mỹ và châu Phi đều được hưởng khá nhiều lợi ích. Đối với châu Phi, quan hệ thương mại song phương với Mỹ sẽ tạo nhiều cơ hội để châu Phi phát triển tốt hơn nhờ tiền vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý và cả những ưu đãi thuế quan từ Mỹ, từ đó thúc đẩy hoạt động sản xuất hướng vào xuất khẩu. Còn với Mỹ, vai trò của châu Phi càng ngày càng trở nên quan trọng không chỉ đơn thuần trong quan hệ thương mại (tiêu biểu là dầu lửa) mà còn cả ở sức nặng đáng kể trên diễn đàn chính trị quốc tế. Các nước châu Phi thực sự ngày càng trở thành những đối tác không thể xem nhẹ. Hơn nữa, sự hiện diện của Mỹ ở châu Phi cũng góp phần hạn chế sự có mặt ngày càng mang tính cạnh tranh của Trung Quốc và EU ở châu lục này. Như vậy, với những thành tựu đã đạt được và những hạn chế, tồn tại cần tháo gỡ, tăng trưởng thương mại trong tương lai là điều mà cả Mỹ và châu Phi cùng quan tâm và hướng tới bởi lợi ích to lớn, lâu dài mà hai bên sẽ nhận được khi thực hiện chính sách thương mại song phương.

Tài liệu tham khảo

1. The World Bank (2004), "*Africa Development Report*".
2. J. Diamond (Mar.2005), "*U.S. - Africa Trade Profile*", Market Access and Compliance/Office of Africa.
3. IMF (2004), "*Direction of Trade Statistics Yearbook 2004*".
4. <http://www.agoa.gov>
5. Thông tấn xã Việt Nam (các số từ 2001 đến 2005), "*Kinh tế quốc tế tham khảo hàng tuần*", "*Tài liệu tham khảo đặc biệt*", "*Tin kinh tế tham khảo hàng ngày*".